

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/DS-ST

Ngày: 28-7-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hết

- Ông Ngô Bá Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST – DS, ngày 08/5/2023, về: “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2023/QĐXX – ST, ngày 17/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: ấp C, xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Công P, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà D có mặt.

Bà H1, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023 của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim D có nội dung:

Trong đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thị Thu H yêu cầu bà Lê Thị H1 và ông Đào Công P liên đới trả số tiền hui còn thiếu là 94.650.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 13/3/2020 đến ngày 13/3/2023 với mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền là 28.281.000 đồng. Đồng thời, bà H1 và ông P tiếp tục chịu tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng đến ngày vụ án có kết quả giải quyết cuối cùng. Tổng số tiền (tính đến ngày 13/3/2023) là: 122.931.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi một nghìn đồng).

Trong quá trình tố tụng, bà H đồng ý thay đổi yêu cầu khởi kiện, từ yêu cầu 94.650.000 đồng (là hui có lãi) xuống yêu cầu là 54.400.000 đồng. Số tiền 54.400.000 đồng này, bà H yêu cầu trách nhiệm liên đới giữa bà H1 và ông P và vẫn giữ yêu cầu tính lãi từ ngày 13/3/2020 đến ngày có kết quả giải quyết cuối cùng với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Lý do yêu cầu: Do trước đây bà Huỳnh Thị Thu H có tham gia 04 dây hui do bà Lê Thị H1 mở:

+ Dây hui 2.000.000 đồng khai ngày 05/5/2016 (29/3al), có 31 người chơi, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 05/12/2018 thì hui mãn. Bà H đóng tổng cộng là 62.000.000 đồng, bớt cho bà H1 1.000.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 61.000.000 đồng.

+ Dây hui 2.000.000 đồng khai ngày 15/7/2017 (22/6al), có 20 người chơi, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 10/12/2018 (04/11al) thì bà H1 vỡ hui. Bà H đóng tổng cộng là 34.000.000 đồng, bớt cho bà H1 1.000.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 33.000.000 đồng.

+ Dây hui 5.000.000 đồng khai ngày 11/12/2017 (24/10al), có 21 người chơi, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 10/12/2018 (04/11al) thì bà H1 vỡ hui. Bà H đóng tổng cộng là 45.000.000 đồng, bớt cho bà H1 1.000.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 44.000.000 đồng.

+ Dây hui 5.000.000 đồng khai ngày 13/3/2018 (26/01al), có 20 người chơi, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 10/12/2018 (04/11al) thì bà H1 vỡ hui. Bà H đóng tổng cộng là 55.000.000 đồng, bớt cho bà H1 1.000.000 đồng, bà H1 còn nợ lại 54.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2018 bà H1 có trả cho bà H được 15.000.000 đồng và cùng chốt sổ bà H1 còn nợ lại bà H 180.000.000 đồng.

Đến ngày 12/3/2020, bà H1 tiếp tục trả cho bà H 85.350.000 đồng, sau đó đòi nhiều lần nhưng bà H1 không trả.

Bà H1 chơi hui nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình nên buộc chồng của bà H1 là ông Đào Công P cùng trả.

- Lời trình bày của bị đơn bà Lê Thị H1 trong quá trình tố tụng có nội dung:

Bà thừa nhận còn thiếu bà H với số tiền là 54.400.000 đồng, bà trả 01 mình. Chồng của bà là ông Đào Công P không liên quan, không có nghĩa vụ cùng trả. Không đồng ý trả lãi như bà H yêu cầu.

Bà tham gia chơi hụi, làm đầu thảo để có tiền sử dụng riêng cho cá nhân bà như đi đám tiệc, mua vật dụng cho cá nhân bà. Do chồng của bà bị bệnh, có mấy công đất vườn dừa do chồng của bà thu hoa lợi. Còn việc ăn uống trong gia đình cho chồng của bà lo. Còn con 02 người đã trưởng thành, đều đã có vợ/chồng, đi làm không có nhà. Bà không có tiền chi tiêu cho cá nhân nên mới làm đầu thảo hụi. Lúc đầu khi biết bà tham gia chơi hụi, chồng của bà không cho, lên tiếng cản nhưng bà tự chơi nên chồng của bà không quan tâm, không tham gia.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Công P trong quá trình tố tụng có nội dung:

Ông không đồng ý với yêu cầu của bà H về việc buộc trách nhiệm liên đới đối với tiền hụi mà bà H1 phải trả cho bà H do không liên quan, không biết việc thỏa thuận chơi hụi này.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; kiểm tra chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu H, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”; trong đó xác định bà Huỳnh Thị Thu H là nguyên đơn (Do bà Nguyễn Thị Kim D là người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa); Bà Lê Thị H1 là bị đơn và ông Đào Công P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của bà Lê Thị H1 và ông Đào Công P, có đơn xin vắng, có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông P theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

** Về số tiền góp hui 54.400.000 đồng mà bà H yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Phía bà H1 thừa nhận bà H1 có trực tiếp mở 04 dây hui như bà H trình bày trong đơn khởi kiện, thống nhất do bà H1 bị vỡ hui nên còn nợ bà H số tiền là 54.400.000 đồng như bà H yêu cầu. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận, bà H không cần phải chứng minh. Do bà H1 vi phạm thỏa thuận nên bà H yêu cầu trả số tiền này là phù hợp, được chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

** Về việc bà H yêu cầu trách nhiệm liên đới giữa bà H1 và ông P đối với số tiền trên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tuy bà H1 cho rằng việc bà tham gia góp hui là để lấy tiền hoa hồng của đầu thảo chi tiêu cá nhân nhưng bà H1 thừa nhận bà và ông P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, sống chung đã 30 năm, có con chung. Như vậy, việc bà H1 tham gia góp hui được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân với ông P. Bà H1 cho rằng do điều kiện kinh tế khó khăn nên từ khi cưới nhau đến nay vợ chồng mỗi người làm 01 công việc khác nhau để kiếm tiền trang trải cuộc sống và chi phí hằng ngày của gia đình, cùng nuôi con (nay con đã lớn). Theo khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì: "*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*". Do đó, đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, buộc ông P phải có trách nhiệm liên đới cùng trả là phù hợp.

** Xét việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ 13/3/2020 đến ngày có kết quả giải quyết cuối cùng với mức lãi suất là 0,83%/ tháng của số tiền 54.400.000 đồng:*

Căn cứ vào quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, do phía bà H1 chậm trả tiền nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Xét mức lãi nguyên đơn yêu cầu (0.83%/tháng) không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Về thời điểm trả tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu là phù hợp vì ngày 12/3/2020 bà H1 trả cho bà H được 85.350.000 đồng, sau đó không trả tiền hui nữa. Do đó, bà H1 phải chịu tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc, cụ thể: Tiền lãi: Tính từ ngày 13/3/2020 đến ngày 28/7/2023 là 40 tháng (tính tròn tháng theo yêu cầu của nguyên đơn) x 0.83%/tháng x 54.400.000 đồng = 18.060.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/7/2023 là: 72.460.000 đồng, buộc bà H1 và ông P phải liên đới trả cho bà H.

Đối với số tiền chênh lệch theo đơn khởi kiện, bà H rút yêu cầu nên đình chỉ.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Bà H1 và ông P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 31 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu H về việc yêu cầu bà Lê Thị H1 và ông Đào Công P liên đới trả tiền hui còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Lê Thị H1 và ông Đào Công P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Thu H số tiền hui còn thiếu là 72.460.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó vốn: 54.400.000 đồng (Năm mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) và lãi: 18.060.000 đồng (Mười tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ phần chênh lệch theo đơn khởi kiện: 40.250.000 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 3.623.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng), buộc bà Lê Thị H1 và ông Đào Công P phải liên đới chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004795 ngày 05/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam cho bà Huỳnh Thị Thu H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi người đó cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- THA huyện Mô Cày Nam;
- Dương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng